

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Trà;

2. Ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 424/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1967; nơi cư trú: 390 đường P, khu phố V, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967; nơi cư trú: 390 đường P, khu phố V, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện T, tỉnh P (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1987. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông A rượu chè, chửi bới và đánh đập bà. Bà cố gắng chịu đựng và khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng ông A vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/6/1992, Nguyễn Văn G, sinh ngày 08/12/1993 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/6/2003. Ly hôn, đối với 02 con G và L đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết; còn cháu T bà xin nuôi dưỡng và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không lấy lời khai ông A và không tiến hành hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; - về hôn nhân: bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Nguyễn Văn A; - về con chung: cháu L và G đã trưởng thành nên không giải quyết; giao cháu T cho bà K nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con; - về tài sản chung: không giải quyết; - về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **I. Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] II. Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh P (cũ) vào ngày 10/01/1987 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01, là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông A rượu chè, chửi bới và đánh đập bà K, sự việc lặp lại nhiều lần làm cho

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tòa án nhiều lần triệu tập ông A để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông A không đến, điều này thể hiện ông A không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà K và ông A đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc xin ly hôn ông A để các bên ổn định cuộc sống riêng.

[4] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/6/1992, Nguyễn Văn G, sinh ngày 08/12/1993 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/6/2003. Cháu L và G đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản phải cần người chăm sóc như quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không xét. Đối với cháu T có nguyện vọng xin ở với bà K, nên để cháu T phát triển tốt về thể chất, tinh thần chấp nhận yêu cầu của bà K, giao cháu T cho bà K nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà K không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] **III. Về án phí:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị K được ly hôn ông Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 01/6/2003 cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn bà Nguyễn Thị K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001727 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

